TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **90**/2023/QĐST-HNGĐ.	*Mỏ Cày Nam, ngày 16 tháng 05 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

Căn cứ vào các điều 149, 212, 213, 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 136/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 04 năm 2023 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Anh Phan Văn L, sinh năm 1991;

Địa chỉ: ấp T, xã P, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Chị Trần Thị Diễm T, sinh năm 1995;

Địa chỉ: ấp P, xã A, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phan Văn L và chị Trần Thị Diễm T thống nhất thuận tình ly hôn, không yêu cầu gì về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn. Sự thỏa thuận này của anh L, chị T là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] Về con chung: Anh Phan Văn L và chị Trần Thị Diễm T có 01 con chung cháu Phan Thị Kim T, sinh ngày 03/01/2019, khi ly hôn anh chị thỏa thuận chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Sự thỏa thuận này của anh chị là phù hợp với quy định tại các điều 55, 81 cuả Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về tài sản chung: Anh Phan Văn L và chị Trần Thị Diễm T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Anh Phan Văn L và chị Trần Thị Diễm T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí: Anh Phan Văn L và chị Trần Thị Diễm T tự nguyện chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) lệ phí dân sự sơ thẩm là phù hợp với quy định tại Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đã hết thời hạn bảy ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Anh Phan Văn L và chị Trần Thị Diễm T thuận tình ly hôn. Anh L, chị T không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

- Về con chung: có 01 con chung cháu Phan Thị Kim Ti, sinh ngày 03/01/2019, khi ly hôn chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Anh Phan Văn L có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở thực hiện quyền này. Trong trường hợp anh Phan Văn L lạm dụng việc thăm nuôi con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì chị Trần Thị Diễm T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Phan Văn L.

Vì lợi ích của con chung, chị Trần Thị Diễm T và anh Phan Văn L hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, chị Trần Thị Diễm T và anh Phan Văn L có thể thỏa thuận việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, phương thức cấp dưỡng nuôi con, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh Phan Văn L và chị Trần Thị Diễm T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về nợ chung: Anh Phan Văn L và chị Trần Thị Diễm T trình bày không có nên không xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Phan Văn L và chị Trần Thị Diễm T tự nguyện chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) lệ phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí sơ thẩm mà anh L, chị T đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004766 ngày 20 tháng 04 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre là đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Cơ quan ĐKKH;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu: Hồ sơ, Vp.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Ngọc Yến